

Bản án số: 211/2024/DS-ST
Ngày: 11-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh
doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phú Minh Thông

2. Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 991/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4962/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6572/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Tấn Ph, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số A ấp B, xã C, thành phố D, tỉnh Đồng Tháp. Ông Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số X đường Y, phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: Tầng G- Tháp H- J Plaza, số X1 đường Y1, phường Z1, quận V1, Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- ông Lê Tấn Ph trình bày:*

Ngày 10/11/2020, ông có thuê Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) đứng đại diện pháp lý để ký kết hai hợp đồng thi công điện cho công trình thuộc dự án VinHome Grand Park Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh và được lập thành hai bản thỏa thuận thể hiện nội dung hợp lý giữa ông và Công ty T rằng ông hoàn toàn điều hành về lao động, kỹ thuật, kinh tế, tài chính và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật cho hai hợp đồng nhân công lắp đặt số 1511/2020/HĐ/Đ-T với tổng giá trị hợp đồng là 180.461.001 đồng và hợp đồng nhân công lắp đặt số 0701/2021/HĐ/Đ-T ký ngày 07/01/2021 với tổng giá trị hợp đồng là 850.069.286 đồng.

Về trách nhiệm, Công ty T sẽ ký kết hợp đồng, xuất hóa đơn và nhận tiền, sau đó sẽ giữ lại 10% tiền thuế giá trị gia tăng và 2% tiền chi phí văn phòng của Công ty T, số tiền còn lại sẽ chuyển trả cho Ông Ph. Tất cả nội dung trên đều được thể hiện trong hợp đồng đã ký kết giữa ông và Công ty T.

Hợp đồng được ký kết với bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) và đây là Công ty giao thầu lại cho ông. Ông đã thuê Công ty T đứng đại diện pháp lý để ký kết với Công ty này.

Đến thời điểm hiện tại, ông đã hoàn thành tất cả công việc của hai hợp đồng trên nhưng Công ty T chỉ thanh toán cho ông 369.000.000 đồng. Công ty T không thực hiện thanh toán cho ông số tiền còn lại trên giá trị hai hợp đồng mà ông thuê Công ty T ký kết với Công ty Đ.

Nay ông yêu cầu Công ty T phải thanh toán cho ông toàn bộ số tiền còn lại theo hợp đồng số 1511/2020/HĐ/Đ-T là 51.611.076 đồng và hợp đồng số 0701/2021/HĐ/Đ-T là 322.069.284 đồng, tổng số tiền mà Công ty T phải trả cho ông theo hai hợp đồng 1511/2020/HĐ/Đ-T và 0701/2021/HĐ/Đ-T được ký kết giữa Công ty T và Công ty Đ là 373.680.360 đồng.

** Đối với Bị đơn- Công ty TNHH T (Gọi tắt là Công ty T):*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Công ty T, người đại diện theo pháp luật của Công ty T không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Công ty T không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) trình bày (tóm tắt):*

Công ty Đ có thuê Công ty T qua hai hợp đồng số 1311/2020/HĐ/Đ-T và 0701/2021/HĐ/Đ-T. Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty T theo đúng tiến độ

và thỏa thuận tại các hợp đồng. Nay Ông Ph khởi kiện Công ty T thì Công ty Đ không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Do việc tranh chấp giữa các bên không liên quan đến Công ty Đ, Công ty Đ không có yêu cầu độc lập, Công ty Đ đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại văn bản đề ngày 16 tháng 4 năm 2024 nộp cho Tòa án- Nguyên đơn- ông Lê Tấn Ph trình bày:*

Ông rút lại yêu cầu Công ty T phải thanh toán cho ông số tiền còn thiếu theo hợp đồng số 1511/2020/HĐ/Đ-T ngày 10/11/2020 là 51.611.076 đồng.

Ông chỉ yêu cầu Công ty T trả cho ông số tiền còn thiếu là 271.870.062 đồng theo hợp đồng số 0701/2021/HĐ/Đ-T ngày 07/01/2021 (trước đây là hợp đồng 2511/2020/HĐ/Đ-T ngày 25/11/2020- đã có biên bản thay đổi hợp đồng giữa ông và Công ty T). Ông không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 271.870.062 đồng. Số tiền này được diễn giải như sau: Tổng giá trị hợp đồng: 934.309.144 đồng; Thuế VAT (gồm 10% và 8%): 84.239.856 đồng; Phí quản lý 2%: 18.686.183 đồng; Tổng: 102.926.039 đồng; Đã thanh toán: 369.000.000 đồng; Còn lại: 462.383.105 đồng; Hồ sơ quyết toán chưa ký: 190.513.043 đồng; Còn lại 271.870.062 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyên hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà Nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Ngày 10/11/2020, ông Lê Tấn Ph và Công ty TNHH T (Gọi tắt là Công ty T) có thỏa thuận về việc Công ty T thay mặt Ông Ph ký các hợp đồng nhân công lắp đặt và thanh toán. Do Công ty T không thực hiện đúng thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Công ty T là Bị đơn, có trụ sở tại Quận V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Công ty T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T.

[1.3] Ông Ph và Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Ph và Công ty Đ.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Công ty T trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc 271.870.062 đồng theo hợp đồng số 0701/2021/HĐ/Đ-T ngày 07/01/2021 (trước đây là hợp đồng 2511/2020/HĐ/Đ-T ngày 25/11/2020- các bên đã có biên bản thay đổi hợp đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn, có đủ cơ sở xác định ngày 10/11/2020, Ông Ph và Công ty T lập biên bản thỏa thuận, nội dung như sau:

Công ty T xác nhận Ông Ph là cá nhân điều hành về kỹ thuật và kinh tế của hai hợp đồng do Công ty T ký gồm hợp đồng nhân công lắp đặt số: 1311/2020/HĐ/HCV-T ký ngày 13/11/2020 tại Công ty TNHH tổng thầu Cơ điện Đ và hợp đồng nhân công lắp đặt số: 2511/2020/HD0/Đ-T ký ngày 25/11/2020 tại Công ty Cổ phần Đ. Ông Ph hoàn toàn điều hành về an toàn lao động, kỹ thuật và kinh tế, tài chính, chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bên A (Công ty T) sẽ rút tiền và chuyển cho bên B (Ông Ph) khi được nhà thầu chính là Công ty Cổ phần Đ thanh toán. Bên A sẽ giữ lại 10% thuế và 2% chi phí văn phòng của bên B...

Theo tài liệu, chứng cứ do Công ty Đ giao nộp cho Tòa án và trình bày của Công ty Đ có cơ sở xác định ngày 13/11/2020 và 07/01/2021, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện Đ (Công ty con của Công ty Cổ phần Đ) và Công ty Cổ phần Đ có ký hợp đồng số 1311/2020/HĐ/HCV-T và số 0701/2021/HĐ/Đ-T. Công ty Đ đã thanh toán xong từng đợt cho Công ty T theo đúng tiến độ và thỏa thuận.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty T, nhưng Công ty T không đến Tòa để giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; do đó, yêu cầu của Nguyên đơn đòi

Công ty T trả ngay số tiền gốc 271.870.062 đồng theo hợp đồng số 0701/2021/HĐ/Đ-T ngày 07/01/2021 là có cơ sở chấp nhận.

Ông Ph chỉ yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ gốc 271.870.062 đồng, không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc rút yêu cầu Công ty T phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền còn thiếu theo hợp đồng số 1511/2020/HĐ/Đ-T ngày 10/11/2020 là 51.611.076 đồng.

Xét việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 505 và 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- ông Lê Văn Phước.

Buộc Công ty TNHH T phải trả ngay cho Ông Ph số tiền 271.870.062đ (Hai trăm bảy mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) theo hợp đồng số 0701/2021/HĐ/Đ-T ngày 07/01/2021.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Ph về việc không yêu cầu Công ty TNHH T trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 271.870.062 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Lê Tấn Ph về việc buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ông Ph số tiền còn thiếu theo hợp đồng số 1511/2020/HĐ/Đ-T ngày 10/11/2020 là 51.611.076 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.593.503đ (Mười ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn năm trăm lẻ ba đồng).

Ông Lê Tấn Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông Ph 9.342.009đ (Chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn không trăm lẻ chín đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0044685 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh